

Bản án số: 92A/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Trung Trực, khu vực Trung Ái, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Anh Trần Cao Bảo H, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu vực Liêm Trực, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:** Chị và anh Trần Cao Bảo H quen biết nhau từ năm 2015, nhưng thời gian tìm hiểu chỉ khoảng 05 tháng, sau đó tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2017, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Định, thị xã An Nhơn vào ngày 07/7/2017. Sau khi cưới vợ chồng chị sống tại nhà mẹ anh H ở tổ 10, khu vực Liêm Trực, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do chị nghi ngờ

anh H có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã nhiều lần bắt gặp anh H còn qua lại với người yêu cũ, có lần chị theo dõi và bắt gặp anh H chở người phụ nữ khác nhưng không nói trung thực với chị. Chị đã về sống tại nhà cha mẹ từ tháng 7 năm 2019, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nay, chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Bảo Diệp A, sinh ngày 18/6/2018, hiện tại đang ở với anh H. Ly hôn, chị thống nhất giao cháu Diệp A cho anh H nuôi dưỡng, chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Cao Bảo H trình bày:** Anh và chị Nguyễn Thị Thanh L cưới nhau vào năm 2017 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Định, thị xã An Nhơn. Trước khi cưới, vợ chồng có thời gian tìm hiểu 06 tháng. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà mẹ anh ở phường Bình Định. Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 năm, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L ghen tuông với người yêu cũ của anh nên thường xuyên theo dõi, thậm chí còn gắn định vị lên xe anh. Chị L thường nghe người này người kia nói thấy anh qua lại với nhiều người phụ nữ khác dù không có lần nào bắt gặp anh ngoại tình. Ngoài ra, chị L và anh có nhiều điều khó hòa hợp. Đến tháng 7/2019, chị L theo dõi và phát hiện anh đi chung xe với một chị đồng nghiệp nên làm to chuyện lên và bỏ về nhà mẹ ruột ở, để con ở lại với anh. Sau khi chị L về nhà mẹ ruột vợ chồng vẫn liên lạc và gặp gỡ nhau, anh cũng cố gắng níu kéo để vợ chồng quay lại hàn gắn nhưng tình cảm không còn được như trước. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Anh xác định không còn tình cảm với chị L, nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Bảo Diệp A, sinh ngày 18/6/2018. Hiện tại đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Diệp A. Anh xin tiếp tục được nuôi cháu Diệp A, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Trần Cao Bảo H thuận tình ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện này.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Trần Cao Bảo H có một người con chung tên Trần Bảo Diệp A, sinh ngày 18/6/2018 đang được anh H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị L, anh H thống nhất giao cháu Anh cho H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc nên ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện xin ly hôn anh Trần Cao Bảo H có địa chỉ cư trú tại tổ 10, khu vực Liêm Trục, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Trần Cao Bảo H trước khi tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Định, thị xã An Nhơn, nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh H hợp pháp, là nền tảng của một gia đình hạnh phúc và cuộc hôn nhân của họ được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị L, và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì không giải quyết được mâu thuẫn giữa vợ chồng, nên chị L đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7/2019 cho đến nay. Anh Trần Cao Bảo H cho rằng, vợ chồng anh có thời gian hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó không còn hạnh phúc như trước, nguyên nhân là do chị L ghen tuông vô cớ mà không có căn cứ chứng tỏ anh ngoại tình, chị L không tin tưởng anh nên thường xuyên theo dõi anh. Ngoài ra, theo anh H chị L và anh khó hòa hợp. Ban đầu anh H xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con, nhưng tại phiên Tòa anh thuận tình ly hôn với chị L vì tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị L và anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn anh H. Xét thấy, vợ chồng chị L anh H trong thời gian chung sống sau khi kết hôn tháng 7/2017 đến khi chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột là tháng 7/2019 tức gần 02 năm, thời gian này đủ để vợ chồng có thể thấu hiểu nhau, hơn nữa anh H chị L đã có với nhau 01 người con chung đáng lẽ ra vợ chồng phải có một đời sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng chính vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không được giải quyết, khắc phục nên dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Cả chị L, anh H đều xác định vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian khoảng 01 năm đầu, sau đó thì mâu thuẫn phát sinh dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Chị L cho rằng anh H không chung thủy với vợ, anh H thì xác định không có chính vì vậy mà mâu thuẫn cứ âm ỉ trong đời sống vợ chồng, hơn nữa suy nghĩ và cách sống của vợ chồng khác nhau nên không có sự hòa hợp. Tại phiên Tòa, chị L và anh H thống nhất thuận tình ly hôn, nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Tại phiên Tòa chị L và anh H thống nhất giao cháu Trần Bảo Diệp A, sinh ngày 18/6/2018 cho anh H nuôi dưỡng và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này, giao cháu Anh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Trần Cao Bảo H.

2. Về quan hệ con chung: Chị L và anh H xác định có 01 người con chung tên Trần Bảo Diệp Anh, sinh ngày 18/6/2018. Hiện tại đang ở với anh H. Giao cháu Trần Bảo Diệp A cho anh Trần Cao Bảo H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004843 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ Bản án có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

5/Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.